

Số: 69/QĐ-VP

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai bổ sung dự toán chi
ngân sách nhà nước năm 2025

CHÁNH VĂN PHÒNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO

Căn cứ Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân số 63/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 82/2025/QH15 ngày 24/6/2025;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH15;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 149/QĐ-VKSTC ngày 21/8/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025 để Tổ chức không gian trưng bày tại “Triển lãm thành tựu Đất nước nhân dịp kỷ niệm 80 năm ngày Quốc khánh 02/9/1945-02/9/2025” cho Văn phòng VKSND tối cao (theo biểu mẫu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Tài vụ, Trưởng phòng Hành chính, cá nhân và các đơn vị liên quan thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục 3;
- Trang TTĐT (để t/h);
- Lưu :VT, Ptv.

CHÁNH VĂN PHÒNG

(Đã ký)

Phạm Thanh Tùng

Đơn vị: Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân tối cao

Chương: 004

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo QĐ số: 69 /QĐ-VP ngày 26 / 8 /2025 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao)

DVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Số tiền
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	5.800,0
1	Chi quản lý hành chính (L160 - L161)	5.800,0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ	5.800,0
2	Kinh phí bồi thường thiệt hại toàn ngành (L340- K368)	
2.1	Kinh phí không thực hiện tự chủ	
3	Nghiên cứu khoa học (L100 - K103)	
3.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học cấp Bộ	
4	Đào tạo bồi dưỡng cán bộ (L070- K 085)	
4.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	